

Ứng dụng phương pháp nghiên cứu định lượng tại trường ĐH Kinh Tế TP.HCM (*)

NGUYỄN ĐÌNH THỌ

Nghiên cứu khoa học là một nhiệm vụ trọng tâm của giảng viên đại học. Tại các trường đại học trên thế giới, công trình nghiên cứu, thể hiện qua các bài báo khoa học công bố trên các tạp chí khoa học [1] là một tiêu chí quan trọng để đánh giá các trường đại học cũng như giảng viên và cán bộ nghiên cứu. Tại trường ĐH Kinh tế TP.HCM, cùng với công tác giảng dạy, hoạt động nghiên cứu khoa học đã và đang được nhà trường đề cao và tạo điều kiện cho giảng viên và cán bộ nghiên cứu tham gia. Trong nghiên cứu khoa học, chất lượng của công trình nghiên cứu phụ thuộc rất nhiều vào phương pháp nghiên cứu. Bài viết này nhằm mục đích điểm lại quá trình ứng dụng những phương pháp và công cụ nghiên cứu định lượng, gọi chung là phương pháp nghiên cứu định lượng, trong các đề tài nghiên cứu khoa học tại trường ĐH Kinh tế TP.HCM từ giai đoạn mở cửa của nền kinh tế VN đến nay. Bài viết này bao gồm ba phần chính. Trước tiên, tác giả giới thiệu sơ lược về nghiên cứu khoa học và phương pháp nghiên cứu trên thế giới. Phần tiếp theo, tác giả điểm qua những phương pháp nghiên cứu định lượng đã được sử dụng tại Trường ĐH Kinh tế TP.HCM từ giai đoạn mở cửa đến nay. Phần cuối cùng là một số đề xuất nhằm làm tăng hiệu quả ứng

dụng phương pháp nghiên cứu định lượng trong giai đoạn sắp tới.

Nghiên cứu khoa học và phương pháp nghiên cứu

Một cách tổng quát, nghiên cứu khoa học là cách thức con người tìm hiểu các vấn đề khoa học một cách có hệ thống (vd. Babbie 2001). Chi tiết hơn, nghiên cứu khoa học là quá trình xây dựng và kiểm định lý thuyết khoa học để phục vụ nhân loại [2]. Lý thuyết khoa học có thể định nghĩa là một tập của những khái niệm, định nghĩa, và giả thuyết trình bày có hệ thống thông qua các mối quan hệ giữa các khái niệm, nhằm mục đích giải thích và dự báo các hiện tượng khoa học (Kerlinger 1986: 9). Có nhiều trường phái trong nghiên cứu khoa học, chúng ta có thể chia thành hai nhóm chính, đó là định tính (qualitative methodology) và định lượng (quantitative methodology). Nghiên cứu định tính thường đi đôi với việc khám phá ra các lý thuyết khoa học, dựa trên nguyên tắc quy nạp (nghiên cứu trước lý thuyết sau). Nghiên cứu định lượng gắn liền với việc kiểm chứng chúng, dựa trên nguyên tắc suy diễn (lý thuyết rồi đến nghiên cứu) (Ehrenberg 1994). Hai trường phái nghiên cứu này đều đóng vai trò quan trọng trong quá trình xây dựng lý thuyết khoa học. Vì vậy, trường phái tổng hợp (mixed methodology) đã hình thành trong

nhiều năm qua (Tashakkori & Teddlie 1998). Tuy nhiên, bài viết này chỉ giới hạn trong phương pháp nghiên cứu định lượng.

Trong nghiên cứu định lượng, vấn đề đặt ra là phải thiết kế nghiên cứu phù hợp để giải quyết mục tiêu nghiên cứu một cách có hiệu quả nhất. Cụ thể là dựa trên cơ sở lý thuyết để xây dựng mô hình nghiên cứu và (hoặc) các giả thuyết đi kèm. Công việc tiếp theo là thu thập dữ liệu để kiểm định mô hình lý thuyết và các giả thuyết đề ra. Hay nói cách khác là đề nghị qui luật của thực tế (reality) và kiểm định qui luật này trên cơ sở dữ liệu từ thực tế. Vì vậy, nhà nghiên cứu cần thu thập dữ liệu và phân tích chúng để kiểm định các qui luật này. Chúng ta có thể chia cách thức thu thập dữ liệu để kiểm định mô hình nghiên cứu và giả thuyết (qui luật) thành ba nhóm chính (1) dữ liệu đã có sẵn, (2) dữ liệu chưa có sẵn và (3) dữ liệu chưa có trên thị trường (thực tế).

Nhóm 1: Dữ liệu đã có sẵn (revealed data – dữ liệu đã được thu thập): Khi sử dụng những dữ liệu này, chúng ta có nhiều lợi điểm. Một là dữ liệu đã có sẵn, nên thời gian và chi phí thu thập sẽ giảm. Hai là, chúng ta không phải bận tâm nhiều đến việc đo lường các khái niệm (biến) nghiên cứu vì chúng đã có sẵn. Tuy nhiên, với dữ liệu dạng này, chúng ta thường gặp khó khăn với hai vấn đề chính. Một là có một số biến nghiên cứu chúng ta cần xem xét nhưng chúng không có trên các dữ liệu đã có. Hai là, mức độ tin cậy của kết quả nghiên cứu phụ thuộc rất nhiều đến mức độ tin cậy của dữ liệu đã thu thập nhưng vấn đề này nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng ta. Về mặt xử lý dạng dữ liệu này (nếu nó phù hợp) chúng ta chỉ cần dùng những công cụ thích hợp, ví dụ như mô hình hồi qui, chuỗi thời gian, mô hình họ logit, probit, mô hình cấu trúc tuyến tính SEM (Structural Equation Modelling), vv. chúng ta có thể đạt được kết quả với

độ tin cậy cần thiết).

Nhóm 2: Dữ liệu chưa có sẵn (dữ liệu đã có trên thị trường như chưa ai thu thập): Khi dữ liệu chưa có sẵn trên thị trường, chúng ta cần phải thực hiện các khảo sát (surveys). Dữ liệu dạng này được gọi là dữ liệu khảo sát (survey data). Khi thực hiện nghiên cứu sử dụng dữ liệu ở dạng này, công việc sẽ nhiều hơn, phức tạp hơn, cũng như tốn nhiều thời gian và chi phí hơn, và độ tin cậy cũng sẽ phụ thuộc nhiều hơn vào kỹ năng của nhà nghiên cứu. Lý do là, bây giờ chúng ta cần phải thiết kế các thang đo để đo lường các khái niệm nghiên cứu. Đây là một công đoạn quan trọng trong nghiên cứu dạng khảo sát. Nếu không có được thang đo có giá trị và tin cậy thì tất cả kết quả tiếp theo sẽ không có ý nghĩa nhiều. Vì vậy, chúng ta cần khâu đánh giá thang đo, sử dụng các công cụ như Cronbach alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA (Exploratory Factor Analysis), phân tích nhân tố khẳng định CFA (Confirmatory Factor Analysis), v.v.. Tiếp theo là vấn đề chọn mẫu. Lý do là chúng ta không thể nghiên cứu toàn bộ đám đông vì tốn kém thời gian và chi phí. Vì vậy, chọn mẫu đại diện sẽ giúp chúng ta đạt được yêu cầu nghiên cứu nhưng giải quyết được vấn đề thời gian và chi phí. Một khi đã có dữ liệu đại diện và được đo lường đạt giá trị và độ tin cậy, vấn đề tiếp theo cũng như trong nhóm dữ liệu đã có: dùng những công cụ thích hợp để xử lý như mô hình hồi qui, logit, ANOVA (Analysis of Variance), MANOVA (Multivariate Analysis of Variance), SEM, MDS (Multidimensional Scaling), vv. Như vậy, so với nhóm thứ nhất, nghiên cứu dạng này cần nhiều thời gian và chi phí cũng như đòi hỏi thêm một số kỹ năng nghiên cứu, đặc biệt là thiết kế và kiểm định thang đo.

Nhóm 3: Dữ liệu chưa có trên thị trường (stated data – hiện tại thị trường không có dữ liệu này, lấy ví

dụ muốn biết thái độ và hành vi của người tiêu dùng đối với sản phẩm mới sẽ được sản xuất và tung ra thị trường): So với hai nhóm đầu tiên, nhóm này phức tạp hơn nhiều vì chúng ta vẫn phải cân thang đo như nhóm thứ hai. Nhưng bây giờ, vì dữ liệu không hiện có trên thị trường nên chúng ta phải thiết kế các thực nghiệm (experiments) phù hợp để tạo ra và thu thập dữ liệu. Vì vậy, vấn đề đặt ra là chúng ta cần các phương pháp thiết kế thực nghiệm, đặc biệt là thực nghiệm thừa số (truyền thống, lựa chọn), v.v... cũng như các phép rút gọn chúng như phép rút gọn trực giao (OMEP – Orthogonal Main Effect Plans), phép rút gọn LMA (Louviere, Hensher & Swait 2000), phép rút gọn tối ưu (Street, Burgess & Louviere 2005), v.v... Tương tự như hai nhóm trên, khi đã có dữ liệu đạt được giá trị và độ tin cậy, vấn đề xử lý chúng vẫn tương tự như hai nhóm trên: sử dụng mô hình thích hợp, đặc biệt là họ mô hình tuyến tính tổng quát hóa GLMs (Generalized Linear Models).

Ứng dụng phương pháp nghiên cứu tại trường ĐH Kinh tế TP.HCM

Tình hình ứng dụng các phương pháp và công cụ nghiên cứu định lượng tại trường ĐH Kinh tế TP.HCM từ giai đoạn mở cửa nền kinh tế đến nay có thể được chia thành hai giai đoạn chính (bài viết này chỉ giới hạn trong hai nguồn dữ liệu chính: các luận án tiến sĩ và đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở và cấp bộ):

Giai đoạn 1 - Bắt đầu từ lúc mở cửa (1986) đến đầu 2000: Các phương pháp và công cụ nghiên cứu ở giai đoạn này chủ yếu ở dạng khám phá và mô tả (định tính và thống kê mô tả). Cấu trúc của đề tài nghiên cứu thường được bắt đầu với vấn đề nghiên cứu (thường là rất rộng). Sau đó, đề tài nghiên cứu giới thiệu cơ sở lý luận. Tuy nhiên, do chúng ta còn ở

giai đoạn đầu của thời kỳ đổi mới, vì vậy, tài liệu về nền kinh tế thị trường và quản lý kinh doanh trong nền kinh tế không nhiều. Do đó, cơ sở lý luận thường là lạc hậu, dựa vào sách giáo khoa. Tiếp theo, nghiên cứu phân tích thực trạng của đối tượng nghiên cứu (thường là các đơn vị sản xuất kinh doanh) ở dạng định tính và thống kê mô tả. Trên cơ sở của cơ sở lý luận và phân tích thực trạng, các đề tài nghiên cứu đưa ra các giải pháp. Mức độ đóng góp của các nghiên cứu dạng này cho sự phát triển khoa học thường hạn chế vì chúng chỉ giới hạn trong việc mô tả các hiện tượng khoa học hơn là khám phá ra các qui luật của nó. Tuy nhiên, về mặt xã hội, chúng góp phần đáng kể cho việc vận hành nền kinh tế (đặc biệt là cho các công ty kinh doanh) và giảng dạy cho sinh viên. Đặc biệt, chúng đóng vai trò tổng kết các hoạt động kinh tế và kinh doanh của nền kinh tế.

Trong thời kỳ này, nghiên cứu dạng khảo sát cũng bắt đầu xuất hiện, đặc biệt là các nghiên cứu thị trường với sự đóng góp của nhiều đơn vị, giảng viên và cán bộ nghiên cứu của Trường như Trung tâm CESAIS, Khoa thương mại du lịch, Khoa thống kê toán, v.v.. Dạng nghiên cứu này cũng góp phần rất nhiều trong đào tạo sinh viên. Nhiều nhóm sinh viên hình thành để thực hiện nghiên cứu dạng khảo sát này cho các công ty trong và ngoài nước. Những nghiên cứu dạng này thường tập trung nhiều vào việc thu thập dữ liệu cho các công ty, đặc biệt là các công ty nghiên cứu thị trường nước ngoài thực hiện nghiên cứu cho khách hàng của họ tại thị trường VN. Những nghiên cứu này đóng góp đáng kể vào phương pháp nghiên cứu dạng khảo sát, đặc biệt là kỹ thuật thu thập dữ liệu (định tính và định lượng). Những dạng nghiên cứu ứng dụng đã trở thành quen thuộc đối với giảng viên, cán bộ nghiên cứu và sinh viên trong trường như thảo luận nhóm tập trung (focus

groups), thảo luận tay đôi (indepth interviews) trong nghiên cứu định tính hoặc khảo sát hành vi, thái độ tiêu dùng (U&A surveys), nghiên cứu đa khách hàng đa mục đích (Omnibus), nghiên cứu chỉ số truyền thông đại chúng (Media Indices), nghiên cứu trung tâm (Central Location Tests), vv. Các nghiên cứu dạng này cũng xuất hiện trong một số luận án tiến sĩ và đề tài nghiên cứu khoa học tại Trường (cấp cơ sở, cấp Bộ). Tuy nhiên, nghiên cứu dạng khảo sát trong giai đoạn này còn ở dạng rất sơ khai về kỹ thuật chọn mẫu, đo lường và xử lý dữ liệu.

Tóm lại, giai đoạn này, nghiên cứu tại Trường ĐH Kinh tế TP.HCM tuy còn ở dạng phôi thai nhưng đã góp phần tích cực trong phát triển nghiên cứu khoa học và giảng dạy của nhà trường. Hơn nữa, chúng cũng làm nền tảng cho việc phát triển nghiên cứu khoa học trong trường cho giai đoạn tiếp theo. Cũng cần nói thêm, trong giai đoạn này công trình công bố của giảng viên và cán bộ nghiên cứu của nhà trường trên các tạp chí khoa học quốc tế hầu như chưa có. Một số công trình (chủ yếu là luận văn thạc sĩ) của một số giảng viên và cán bộ nghiên cứu theo học chương trình thạc sĩ quản trị kinh doanh tại Học viện công nghệ châu Á (AIT) và một số trường đại học khác được giáo sư nước ngoài chỉnh sửa (viết lại) và công bố trên một số tạp chí khoa học quốc tế [3].

Giai đoạn 2 – Bắt đầu từ 2000 đến nay: Giai đoạn này đánh dấu sự phát triển nổi bật các phương pháp nghiên cứu định lượng trong các nghiên cứu của giảng viên và cán bộ nghiên cứu trong nhà trường. Một số phương pháp và công cụ hiện đại và phức tạp hơn (và dĩ nhiên, độ chính xác cũng cao hơn) đã xuất hiện trong các đề tài nghiên cứu, đặc biệt là các phương pháp thuộc Nhóm 1 (nhóm dữ liệu đã có sẵn) và Nhóm 2 (nhóm dữ liệu chưa có sẵn). Các mô hình phân tích dữ liệu như hồi qui,

ANOVA, logit, vv. được các giảng viên và cán bộ nghiên cứu từng bước sử dụng. Phương pháp nghiên cứu với qui trình chặt chẽ và khoa học hơn như thiết kế thang đo, đánh giá thang đo với các công cụ như Cronbach alpha, phân tích EFA, CFA. Các phương pháp phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính SEM ở nhiều dạng khác nhau như mô hình thứ bậc, mô hình bất biến khả biến được sử dụng. Giai đoạn này cũng xuất hiện một số nghiên cứu thuộc Nhóm 3 (dữ liệu chưa có trên thị trường mà phải thiết kế thực nghiệm để tạo ra thị trường và thu thập dữ liệu). Đặc biệt là sự xuất hiện của phương pháp đo lường và thực nghiệm hiện đại trên thế giới như thang đo MaxDiff (Marley & Louviere 2005), thực nghiệm thừa số tối ưu, v.v... Cũng cần nói thêm là giai đoạn này, công trình nghiên cứu của giảng viên của Trường đã bắt đầu xuất hiện độc lập hoặc là người nghiên cứu chính (tuy còn rất khiêm tốn so với các trường đại học ở một số nước gần chúng ta như Trung Quốc, Thái Lan, vv.) trên các tạp chí khoa học quốc tế [4].

Biện pháp làm tăng hiệu quả ứng dụng phương pháp nghiên cứu

Thông qua cơ sở về nghiên cứu khoa học và một số tổng kết về tình hình ứng dụng phương pháp và công cụ nghiên cứu định lượng trong trường ĐH Kinh tế TP.HCM trên đây, để tăng cường hiệu quả nghiên cứu khoa học tại trường, phục vụ cho nhu cầu giảng dạy và học tập của giảng viên và sinh viên, cũng như góp phần hỗ trợ phát triển của các thành phần kinh tế trong xã hội, phần này đề nghị một số hướng để phát triển và ứng dụng các phương pháp và công cụ nghiên cứu hiện đại trên thế giới. Như đã giới thiệu, mục tiêu của nghiên cứu khoa học, một cách tổng quát nhất, là khám phá các mối quan hệ giữa các biến trong

thị trường và các mối quan hệ này có thể giải thích và dự báo các hiện tượng khoa học. Vì vậy, hàng loạt vấn đề nhà nghiên cứu cần phải thực hiện. Cụ thể một số vấn đề quan trọng như sau:

Một là, một nghiên cứu phải có vấn đề nghiên cứu thật sự quan trọng và cần thiết. Lấy ví dụ khi chúng ta nghiên cứu khái niệm (biến) X (để giải thích cho hiện tượng Y) vì X chưa được nghiên cứu trước đây. Chưa được nghiên cứu trước đây có thể là một lý do để thực hiện nghiên cứu. Tuy nhiên, vấn đề này chỉ thực sự quan trọng khi chúng ta lý giải được là biến X là biến quan trọng (so với các biến đã nghiên cứu trước đây) để giải thích hiện tượng Y. Hơn nữa, một nghiên cứu cần phải xác định rõ ràng hướng tập trung của nó: Nghiên cứu sự khác biệt giữa con người? Giữa các bộ phận trong tổ chức? Giữa các tổ chức? Hay giữa các nền văn hóa khác nhau? Kiểm định một lý thuyết hay xem xét một hiện tượng cụ thể nào đó? Nếu nó giải thích một qui trình vận hành trong một tình huống mới thì cần phải giải thích tại sao tình huống mới có sự khác biệt có ý nghĩa để có thể hình thành một lý thuyết mới cho tình huống này. Những gì không thuộc tình huống này. Hay nói cách khác là bài nghiên cứu cần cho người đọc biết được là nó đang làm gì ở đó và tại sao phải làm như vậy. Tiếp theo, một nghiên cứu phải được dẫn hướng bởi một hay một số lý thuyết nền (foundation theories). Khoa học không thể tạo ra từ chân không. Lấy ví dụ khi chúng ta nghiên cứu về nội lực cạnh tranh của công ty, chúng ta cần biết về lý thuyết về nguồn lực công ty (Resource based view of the firm; Wernerfelt 1984), vv. Để làm được vấn đề này, chúng ta đã nắm vững những nghiên cứu đã có trong lãnh vực chúng ta đang nghiên cứu. Nghĩa là phần cơ sở lý thuyết của bài nghiên cứu phải cập nhật, đầy đủ và phù hợp. Vì vậy, chúng ta cần phải biết những nghiên cứu đã có để kế

thừa, bổ sung, phát triển hoặc điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn tại VN. Vì vậy,

Giải pháp 1: Cần đầu tư về tài liệu nghiên cứu như các tạp chí khoa học, sách nghiên cứu (không phải sách giáo khoa) chuyên ngành và trang bị cho cán bộ nghiên cứu (đặc biệt là nghiên cứu sinh) kỹ thuật tổng hợp nghiên cứu (literature review).

Để thực hiện nghiên cứu, cán bộ nghiên cứu cần nắm bắt những phương pháp và công cụ nghiên cứu hiện đại. Cũng cần chú ý thêm là phương pháp nghiên cứu cũng là một khoa học. Chúng luôn luôn được phát triển (Malhotra, Peterson & Kleiser 1999). Những phương pháp và công cụ hiện đại, có độ chính xác và tin cậy cao hơn ra đời để thay thế cho những phương pháp, công cụ lạc hậu. Vì vậy, cán bộ nghiên cứu cần phải theo dõi quá trình phát triển của lãnh vực này. Để có thể theo dõi và nắm bắt được những phát triển của lãnh vực khoa học về phương pháp nghiên cứu, cán bộ nghiên cứu (đặc biệt là nghiên cứu sinh) cần phải được trang bị những phương pháp và công cụ nghiên cứu khoa học hiện đại. Phương pháp nghiên cứu (nhận thức luận về nghiên cứu – epistemology, phương pháp luận nghiên cứu – methodology, phương pháp, công cụ nghiên cứu – methods, tools) là ưu tiên hàng đầu cho các chương trình đào tạo bậc tiến sĩ của các nước phát triển. Vì vậy:

Giải pháp 2: Cần trang bị các tạp chí, sách nghiên cứu về phương pháp nghiên cứu khoa học và đầu tư cho nghiên cứu sinh và cán bộ nghiên cứu về phương pháp nghiên cứu.

Kết luận

Bài viết này nhằm mục đích điểm qua quá trình ứng dụng các phương pháp và công cụ nghiên cứu định lượng tại trường ĐH Kinh tế TP HCM từ giai đoạn mở cửa nền

kinh tế VN cho đến nay. Các phương pháp và công cụ nghiên cứu định lượng – từ đơn giản đến phức tạp với độ tin cậy cao hơn – đã từng bước được sử dụng trong các luận án tiến sĩ cũng như các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên và cán bộ nghiên cứu trong trường. Tuy mức độ ứng dụng các phương pháp và công cụ hiện đại còn khiêm tốn, nhưng rất đáng khích lệ. Để tiếp tục phát huy việc ứng dụng các phương pháp và công cụ nghiên cứu hiện đại trên thế giới, trước mắt, nhà trường nên tạo ra một cơ chế phù hợp để chuyển giao ‘công nghệ’ nghiên cứu trong nội bộ nhà trường. Cụ thể, nhà trường nên nâng cấp thư viện thông qua việc trang bị tài liệu khoa học (tạp chí khoa học, sách nghiên cứu) về các chuyên ngành trong trường và phương pháp nghiên cứu liên quan. Từng bước tổ chức các khóa huấn luyện, hội thảo về phương pháp nghiên cứu, để giảng viên được đào tạo từ nhiều nguồn khác nhau, có phương pháp tiếp cận với khoa học khác nhau có điều kiện trao đổi chia sẻ kinh nghiệm lẫn nhau. Tiếp theo mở rộng các hội thảo này với các trường tại TP HCM, trong nước và quốc tế.

Cuối cùng, và có lẽ cũng là quan trọng nhất, là từng bước nâng cao vai trò của công tác nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên, đặc biệt là nghiên cứu sinh. Nhà trường cần tập trung dồn nguồn lực cho một số giảng viên có khả năng và kinh nghiệm nghiên cứu để thực hiện các đề tài có qui mô lớn để làm động lực cho việc phát triển về nghiên cứu khoa học của nhà trường, giúp thúc đẩy nhà trường trở thành một trung tâm khoa học về kinh tế và quản trị, không những trong đào tạo và còn là nghiên cứu khoa học. Hay nói cách khác, để hội nhập vào hệ thống đào tạo đại học quốc tế, cán bộ giảng dạy và nghiên cứu nhà trường phải từng bước tham gia vào cộng đồng ‘sản xuất’ ra tri thức khoa học của thế giới

thông qua các công trình nghiên cứu công bố trên tạp chí khoa học quốc tế. Và, để làm được điều này thì trước tiên cần phải đào tạo các nghiên cứu sinh để họ có thể trở thành những thành viên có khả năng tạo ra tri thức khoa học, phù hợp với phương châm: Sinh viên bậc đại học là những người ‘tiêu thụ’ tri thức khoa học (consuming knowledge), cán bộ giảng dạy và nghiên cứu là những người ‘sản xuất’ ra tri thức khoa học (creating knowledge) và nghiên cứu sinh là bậc chuyển tiếp từ người ‘tiêu thụ’ tri thức khoa học sang người ‘sản xuất’ ra tri thức khoa học, góp phần vào công cuộc đổi mới, hội nhập và phát triển của đất nước ■

Chú thích

* Bài báo cáo tại hội thảo Nghiên cứu khoa học kinh tế sau 20 năm đổi mới và những vấn đề đặt ra cho giai đoạn 2006-2010, Trường ĐH Kinh tế TP. HCM, 30.11.2006.

[1] Tạp chí khoa học để cập ở đây là các tạp chí công bố các công trình khoa học hàn lâm, thông qua một quá trình bình chọn chặt chẽ.

[2] Bài viết này chỉ đề cập đến nghiên cứu hàn lâm, dạng nghiên cứu trọng tâm của các trường đại học trên thế giới.

[3] Tuy nhiên, vì là nội dung của luận văn thạc sĩ, hàm lượng khoa học còn hạn chế. Do vậy, chúng chưa thể xuất hiện được trên các tạp chí có thứ hạng cao.

[4] Đặc biệt là đã xuất hiện trên các tạp chí có thứ hạng cao, lấy ví dụ như trong ngành Marketing, công trình của giảng viên nhà trường đã xuất hiện trên *Advances in International Marketing*, *International Business Review* (Elsevier), *Journal of Consumer Behaviour* (Wiley), *Journal of International Marketing* (American Marketing Association), v.v..

Tài liệu đã dẫn

- Babbie, E.R. (2001), *The Practice of Social Research*, 9th ed., Belmont, CA: Wadsworth Thomson Learning.
- Ehrenberg, A.S.C. (1994), *Theory or well-based results: Which comes first*, trong Laurent, G. & Lilien, G.L. & Pras, B. (eds.), *Research Traditions in Marketing*, Boston: Kluwer Academic: 79-108.
- Kerlinger, F.N. (1986), *Foundations of Behavioural Research*, 3rd ed., New York: Holt, Rinehart & Winston.
- Louviere, J.J., Hensher, D.A. & Swait, J.D. (2000), *Stated Choice Methods: Analysis and Applications*, Cambridge, UK: Cambridge University Press.
- Marley, A.A.J., Louviere, J.J. (2005), Some probabilistic models of best, worst, and best-worst choices, *Journal of Mathematical Psychology*, 49(6): 464-80.
- Street, D.J., Burgess, L. & Louviere, J.J. (2005), Quick and easy choice sets: Constructing optimal and nearly optimal stated choice experiments, *International Journal of Research in Marketing*, 22(4): 459-70.
- Tashakkori, A & Teddlie, C. (1998), *Mixed Methodology*, Thousand Oaks, CA: Sage.
- Wernerfelt, B. (1984), A resource-based view of the firm, *Strategic Management Journal* 5: 171-80.
- Malhotra, N.K., Peterson, M. & Kleiser, S.B. (1999), Marketing research: A state-of-the-art review and directions for the twenty-first century, *Journal of the Academy of Marketing Science*, 27(2): 160-83.